

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index điều chỉnh hơn 12 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,485.05 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản điều chỉnh mạnh nhất sau chuỗi tăng dài. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên UPCOM. Cây nến bearish engulfing cho thấy thị trường đang nghiêng theo hướng chốt lời sau khi chỉ số vượt 1,500. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục giảm theo quán tính, quay lại vùng 1,455 – 1,475.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/07/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-12.23** điểm, đóng cửa tại **1485.05** điểm. HNX-Index **-1.98** điểm, đóng cửa tại **245.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.86)**, **HAV (+1.15)**, **LPB (+0.65)**, **HPG (+0.55)**, **GEX (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-6.03)**, **VHM (-3.72)**, **TCB (-1.31)**, **VCB (-1.17)**, **GEE (-0.68)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **32,876** tỷ đồng, giảm **-5.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35,499 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.59 điểm. Thị trường có **118** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **203** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **175.44** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (218.87 tỷ)**, **VIC (76.66 tỷ)**, **SSI (68.49 tỷ)**, **NVL (65.81 tỷ)**, **SHB (64.18 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **13.47** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
VPB (+4.45%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+1.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIB (+1.46%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.59%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+4.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
DPM (+3.65%) [\(Link báo cáo\)](#)
LPB (+2.60%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.68%	-0.59%	-0.82%	-0.96%
1 tuần	0.88%	2.28%	0.99%	1.40%
1 tháng	8.02%	10.18%	10.06%	13.44%
3 tháng	27.05%	27.99%	24.05%	26.17%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,485.05	245.79	104.27
% 1D	-0.82%	-0.80%	-0.45%
GTKL (tỷ VND)	32,876	2,687	870
%1D	-5.67%	-18.40%	-33.00%
GDNN (tỷ VND)	175.44	13.47	-56.62

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	218.87	VCB	-147.05
VIC	76.66	FPT	-142.51
SSI	68.49	VIX	-86.10
NVL	65.81	VCI	-65.69
SHB	64.18	GMD	-55.72

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

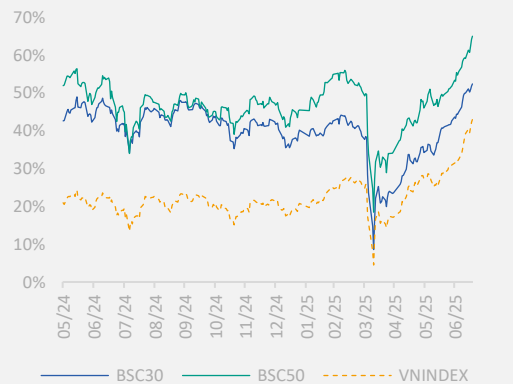
		%D	%W
SPX	6,297	-0.01%	0.59%
FTSE100	8,997	0.06%	-0.01%
Eurostoxx	5,345	-0.31%	-0.29%
Shanghai	3,560	0.72%	1.14%
Nikkei	39,819	-0.21%	0.63%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.88	-0.58%
Giá vàng	3,366	0.39%
Tỷ giá		
USD/VND	26,340	0.00%
EUR/VND	31,189	0.05%
JPY/VND	180	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.00%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	22.30	4.45%	1.86	7.93
HVN	31.60	6.94%	1.15	2.21
LPB	35.50	2.60%	0.65	2.99
HPG	26.20	1.16%	0.55	7.68
GEX	44.40	4.72%	0.45	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	67.00	4.52%	0.60	0.30
DHT	86.90	5.72%	0.27	0.08
HGM	345.10	7.17%	0.21	0.01
KSV	174.00	0.64%	0.15	0.20
DTK	12.70	2.42%	0.14	0.68

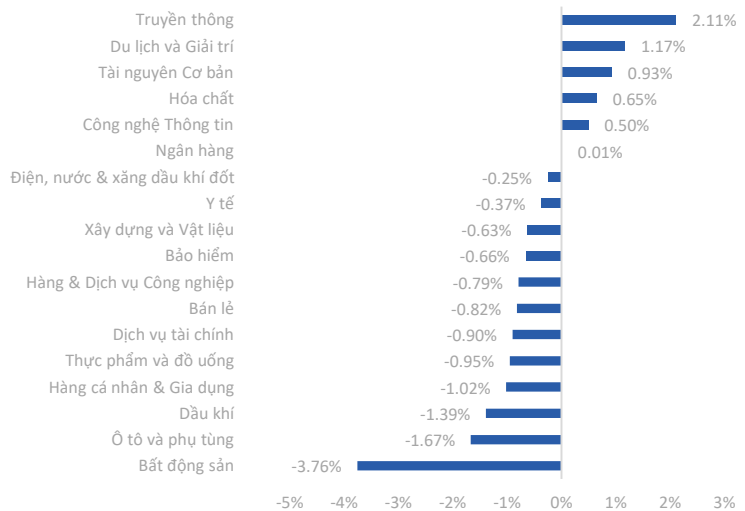
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJS	122.40	6.99%	0.23	0.55
HVX	3.52	6.99%	0.00	0.19
FUCVREIT	8.89	6.98%	0.00	0.03
GMH	8.59	6.97%	0.00	0.01
HTI	23.05	6.96%	0.01	1.44

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HCC	21.20	9.84%	0.05	0.15
ICG	12.30	9.82%	0.08	0.08
PDB	13.60	9.68%	0.05	0.04
WSS	5.90	9.26%	0.11	0.22
MIC	31.50	8.62%	0.06	0.06

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	112.00	-5.88%	-6.03	3.88
VHM	92.00	-4.17%	-3.72	4.11
TCB	35.45	-2.21%	-1.31	7.06
VCB	61.30	-0.97%	-1.17	8.36
GEE	117.00	-6.70%	-0.68	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	14.90	-2.61%	-0.30	1.17
PVS	33.40	-2.34%	-0.25	0.48
CEO	21.90	-3.10%	-0.24	0.54
SHS	16.40	-2.38%	-0.23	0.89
HUT	14.20	-2.74%	-0.23	0.89

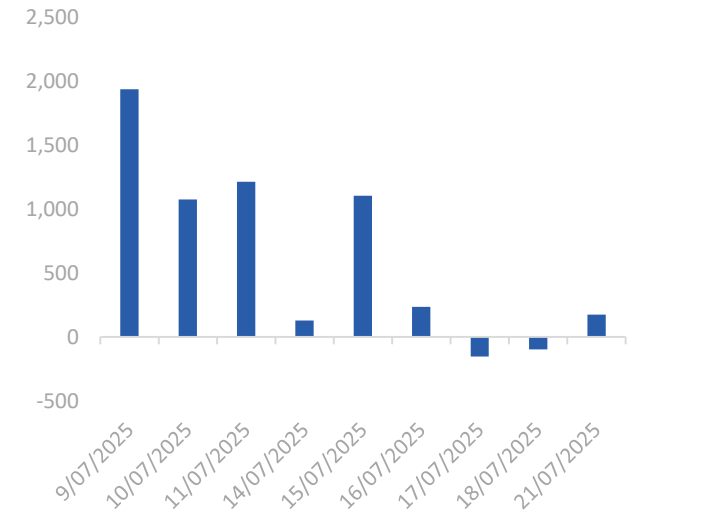
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ABS	3.74	-6.97%	0.00	0.92
DCL	21.40	-6.96%	-0.03	0.75
LDG	6.56	-6.95%	-0.03	3.55
VFG	60.60	-6.91%	-0.04	0.66
TCD	2.84	-6.89%	-0.02	9.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KHS	25.60	-9.86%	-0.14	0.10
THS	14.90	-9.70%	-0.02	0.00
POT	18.00	-9.55%	-0.13	0.00
SHN	5.70	-9.52%	-0.27	0.02
API	7.70	-9.41%	-0.24	2.04

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	70.0	-1.0%	1.4	104,538	721.8	2,975	23.8		48.8%	
KBC	Bất động sản	28.4	-0.4%	1.3	26,793	96.2	1,604	17.7		18.8%	
KDH	Bất động sản	28.3	-2.6%	1.2	32,255	239.4	812	35.7		34.5%	
PDR	Bất động sản	20.0	-2.7%	1.5	18,644	437.1	179	114.7	23,600	10.1%	Link
VHM	Bất động sản	92.0	-4.2%	1.0	394,312	557.5	7,766	12.4	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	110.3	0.7%	0.8	186,648	984.2	5,610	22.5	136,500	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.6	-2.1%	0.0	58,909	80.2	(37)	(517)		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.4	-2.3%	1.5	16,346	198.0	2,303	14.9	38,600	12.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.5	-1.8%	1.5	26,945	494.2	1,347	18.5		39.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	31.4	-1.4%	1.3	62,706	1726.5	1,545	20.6		41.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	40.7	-2.5%	1.4	30,132	826.4	1,602	26.0		29.7%	
DCM	Hóa chất	34.5	1.9%	1.3	17,894	220.4	2,805	12.1	37,800	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	102.1	-0.5%	1.4	38,965	272.6	8,224	12.5	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	22.9	0.9%	0.9	116,345	456.3	3,224	7.0	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.1	-0.7%	1.0	269,269	264.5	3,643	10.5	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	45.2	0.3%	1.2	241,918	299.7	4,806	9.4	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	24.5	0.4%	1.1	85,279	513.7	3,985	6.1	26,400	16.8%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	-0.9%	1.0	165,982	563.7	4,049	6.7	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.3	0.4%	1.1	34,450	215.8	2,150	6.2	14,000	28.2%	Link
STB	Ngân hàng	49.5	-1.4%	1.1	94,638	526.0	5,767	8.7		20.2%	
TCB	Ngân hàng	35.5	-2.2%	1.1	256,101	897.4	3,013	12.0	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.1	0.0%	1.1	39,894	322.5	2,383	6.3	-	24.1%	Link
VCB	Ngân hàng	61.3	-1.0%	0.9	517,216	440.8	4,063	15.2	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.4	1.5%	1.0	58,075	279.2	2,105	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	22.3	4.5%	0.9	169,389	1667.6	2,030	10.5	24,000	25.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.2	1.2%	1.3	198,795	1517.7	1,628	15.9	35,800	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.0	0.3%	1.4	11,147	223.4	749	24.0	16,800	8.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	32.9	-2.4%	1.4	11,278	392.4	3,930	8.6	32,200	6.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.5	-2.0%	1.2	113,774	617.8	1,518	52.1	82,500	25.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.0	-0.3%	0.7	125,815	332.0	4,194	14.4	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	-1.29%	1.4	10,213	118.1	2,098	22.2	26.6%		Link
FRT	Bán lẻ	152.0	-0.20%	0.9	25,937	387.3	2,623	58.1	31.8%		Link
BVH	Bảo hiểm	51.9	-1.14%	1.2	38,972	22.0	2,975	17.7	27.3%		
DIG	Bất động sản	20.1	-2.19%	1.5	13,284	661.2	303	67.8	5.2%		
DXG	Bất động sản	18.9	-2.83%	1.6	19,817	664.4	310	62.8	26.4%		Link
HDC	Bất động sản	30.3	0.83%	1.3	5,351	280.6	443	67.8	3.7%		
HDG	Bất động sản	26.7	-3.96%	1.4	10,266	326.8	762	36.4	16.6%		Link
IDC	Bất động sản	45.6	-1.08%	1.4	15,213	88.7	4,982	9.3	19.5%		
NLG	Bất động sản	40.0	-1.72%	1.4	15,673	142.0	1,827	22.3	47.7%		Link
SIP	Bất động sản	62.6	1.79%	1.3	14,890	56.8	5,282	11.6	3.9%		
SZC	Bất động sản	37.5	-1.45%	1.1	6,848	89.8	2,036	18.7	2.4%		Link
TCH	Bất động sản	24.1	-1.84%	1.4	16,371	189.5	1,279	19.2	11.9%		Link
VIC	Bất động sản	112.0	-5.88%	1.0	455,016	508.2	2,823	42.2	6.8%		
VRE	Bất động sản	29.0	-1.53%	0.9	66,920	177.7	1,844	16.0	18.3%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.4	-1.08%	1.3	8,832	56.8	1,650	25.3	36.5%		Link
PLX	Dầu khí	37.1	-0.54%	1.0	47,393	43.8	1,535	24.3	17.1%		Link
PVD	Dầu khí	20.6	-1.20%	1.3	11,590	126.1	1,246	16.7	4.0%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.0	-2.68%	1.5	14,241	335.1	1,348	30.5	27.6%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.6	-1.66%	1.7	17,241	166.5	1,554	19.4	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	-0.88%	1.1	159,536	49.3	4,543	15.0	1.9%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	-0.36%	1.2	32,786	230.0	546	25.6	3.2%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.6	0.15%	0.8	37,104	126.1	3,922	17.5	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	95.1	1.93%	0.7	55,197	148.2	2,757	33.8	11.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.4	4.72%	1.4	38,262	752.1	1,954	21.7	8.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.0	-0.35%	1.2	24,035	156.0	3,797	15.1	40.5%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.5	-0.71%	1.2	9,093	238.6	5,594	12.5	4.9%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	-1.37%	1.2	8,600	57.6	2,293	8.0	8.8%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	120.9	-0.58%	0.0	14,809	51.0	3,235	37.6	5.5%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.0	-1.39%	1.2	29,127	45.9	6,105	14.1	49.0%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.1	-1.23%	1.0	3,641	42.2	2,608	12.5	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.8	-1.42%	1.6	2,587	30.8	2,580	8.2	17.0%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	39.8	3.65%	1.1	15,008	385.7	1,223	31.4	7.2%		Link
GVR	Hóa chất	30.6	0.66%	1.4	121,600	166.0	1,174	25.9	0.9%		
EIB	Ngân hàng	25.4	0.99%	1.1	46,847	692.6	1,856	13.6	5.0%		Link
LPB	Ngân hàng	35.5	2.60%	0.5	103,360	158.0	3,333	10.4	0.8%	23.3%	
NAB	Ngân hàng	14.5	-0.34%	0.0	24,963	20.8	2,239	6.5	2.0%		
OCB	Ngân hàng	12.2	-0.41%	1.0	30,083	62.3	1,189	10.3	19.6%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.4	0.70%	1.5	6,400	232.6	1,122	12.7	4.7%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.3	1.53%	1.5	6,111	128.6	612	37.5	2.8%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.1	-0.44%	0.6	10,398	112.9	1,371	25.0	3.4%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.7	-1.04%	0.7	61,820	164.0	3,217	15.0	58.8%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.2	0.53%	1.3	12,771	56.5	5,567	10.2	21.9%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	145.9	2.31%	0.8	11,673	39.7	13,288	10.7	85.8%		Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.5	-1.86%	1.4	8,733	114.6	3,236	26.6	48.8%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.0	-1.80%	1.3	11,416	77.5	4,754	21.0	9.5%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.3	-2.69%	1.5	4,687	109.4	2,336	19.9	5.9%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.39%	1.3	6,417	149.4	1,026	12.6	10.6%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	0.00%	1.2	8,154	100.6	1,237	18.4	14.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.4	0.00%	1.3	15,095	264.5	915	25.5	7.4%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.2	-2.22%	1.3	21,162	52.5	2,720	17.4	5.4%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>